

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2020/DS-PT

Ngày 18/11/2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TB bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 431/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn L (L1), sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: Số 640, ấp BĐ, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Giảng Duy T, sinh năm 1969.

Địa chỉ cư trú: Số 393, ấp 1, xã TM, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Giảng Hùng C là Luật sư Văn phòng luật sư Vũ Quang Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Giảng Duy T

(Ông L, ông T, Luật sư C có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Đoàn Văn L (L1) trình bày:* Vào ngày 17/11/2011, ông Đoàn Văn L có cho ông Giảng Duy T vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không xác định thời hạn trả, khi vay có làm biên nhận ngày 17/11/2011, do ông T viết và ký tên. Từ khi vay đến nay ông T không trả vốn

và lãi cho ông L.

Ông Đoàn Văn L yêu cầu ông Giảng Duy T trả cho ông L số tiền vốn là 60.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể như sau:

+ Từ ngày 17/11/2011 đến ngày 31/12/2016 là 61 tháng 14 ngày (ông L chỉ yêu cầu ông T trả 61 tháng), với lãi suất 0.75%/tháng, thành tiền 27.450.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/7/2020 là 42 tháng 24 ngày (ông L chỉ yêu cầu ông T trả 42 tháng), với lãi suất 1.66%/tháng, thành tiền 41.832.000 đồng (Bốn mươi một triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền lãi là 69.282.000 đồng. Tuy nhiên, do gia đình ông T đang gặp khó khăn nên ông L giảm cho ông T số tiền lãi là 29.282.000 đồng, chỉ yêu cầu ông T trả cho ông L số tiền là 40.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả xong khoản nợ.

- *Bị đơn ông Giảng Duy T trình bày:* Năm 2010, ông Giảng Duy T có vay của ông Đoàn Văn L số tiền hơn 100.000.000 đồng (không nhớ số tiền cụ thể) để đáo nợ Ngân hàng. Sau đó, ông T đã trả cho ông L khoản tiền vay nêu trên nhưng còn nợ lại số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 17/11/2011, ông L yêu cầu ông T viết Biên nhận nợ nên ông T viết và ký tên vào Biên nhận ngày 17/11/2011 với số tiền là 60.000.000 đồng. Từ năm 2011 đến nay, ông T đã trả cho ông L nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu và không có làm biên nhận.

Ông Giảng Duy T chỉ đồng ý trả cho ông Đoàn Văn L số tiền 25.000.000 đồng, không đồng ý trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TB đã xử:

1. Buộc ông Giảng Duy T trả cho ông Đoàn Văn L (L1) số tiền vốn là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), tổng cộng vốn và lãi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Giảng Duy T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Ngày 03/8/2020 ông Giảng Duy T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TB.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông T phát biểu: Giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông L phát biểu: Đề nghị bác kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Về nguyên tắc có vay thì có trả nhưng không đồng ý trả số nợ gốc và lãi 100.000.000đ, bởi vì:

+ Hợp đồng vay tài sản giữa ông Đoàn Văn L và ông Giảng Duy T không xác định thời hạn trả, không xác định lãi suất. Do đó, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ khi ông L khởi kiện tại Tòa án vào ngày 18/3/2020. Nên Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 17/11/2011 là không phù hợp do ông L không chứng minh là báo trước cho ông T về việc trả nợ. Nên phần lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 18/3/2020) mới phù hợp.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là trả số tiền vốn là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 18/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/7/2020.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của luật sư, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do các đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật. Ông L cam kết là có tên gọi khác là L1, nếu không đúng ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chứng cứ ông L cung cấp cho Tòa án là biên nhận ngày 17/11/2011, với nội dung: “*Tôi Giảng Duy T, ấp 1, TM, TB, ĐT. Hôm nay ngày 17/11/2011 có nhận 60.000.000đ của anh L1*”. Đồng thời ông T cũng thừa nhận biên nhận do ông T viết và ký tên, ghi họ tên.

Đối với việc ông T nại ra là vào năm 2010 ông T vay của ông L (L1) 25.000.000đ nhưng không trả được vốn và lãi nên đến ngày 17/11/2011, ông L yêu cầu ông T viết Biên nhận nợ, vì vậy ông T viết và ký tên vào Biên nhận ngày 17/11/2011 với số tiền là 60.000.000 đồng. Từ năm 2011 đến nay, ông T đã trả cho ông L nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu và không có làm biên nhận nên chỉ đồng ý trả cho ông L 25.000.000đ.

Xét thấy ông T chỉ khai nại ra chứ ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả nợ gốc và lãi cho ông L. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cũng không đưa ra chứng cứ, tài liệu nào khác để bảo vệ yêu cầu của

mình. Cho nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T.

Về lãi suất: Xét thấy bản án sơ thẩm đã tính lãi từ ngày vay 17/11/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là dựa vào lời khai của ông L là đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ và lãi nhưng ông T không trả. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cũng như ông T đều trình bày là có khoảng thời gian dài ông T đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương. Cho nên thời gian tính lãi và cách tính lãi như bản án sơ thẩm là phù hợp theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, ông L chỉ yêu cầu ông T trả số tiền lãi là 40.000.000 đồng, là đã giảm cho ông T số tiền lãi 29.282.000 đồng. Như vậy là có lợi cho ông T nên được chấp nhận.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông L yêu cầu ông T trả số tiền nợ vốn 60.000.000 đồng và lãi 40.000.000đ là phù hợp. Cho nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Giảng Duy T.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L (L1).
2. Buộc ông Giảng Duy T trả cho ông Đoàn Văn L (L1) số tiền vốn là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 40.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí:

- Buộc ông Giảng Duy T chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Giảng Duy T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo Biên lai số 0002133 ngày

05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông